

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Tên Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Báo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. Loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (công trình thủy lợi), cấp III; mặt bờ kênh kết hợp đường giao thông nông thôn loại B.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Tiến Thắng, thành phố Hà Nội.

5. Quy mô dự án:

5.1. Mục tiêu dự án:

- Đảm bảo tiêu úng cho khoảng 2.700 ha diện tích lưu vực và tạo nguồn nước tưới cho khoảng 540,67ha đất canh tác; Phát huy hiệu quả đồng bộ hệ thống thủy lợi đã và đang đầu tư trên địa bàn; Chống vi phạm, chống lấn chiếm kênh, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho công tác quản lý, vận hành công trình; Góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.2. Quy mô đầu tư xây dựng

* Các thông số kỹ thuật chính:

- Diện tích phục vụ tưới: 540,67 ha

- Diện tích phục vụ tiêu: 2.700 ha

- Mức đảm bảo tưới: 85%

- Mức đảm bảo tiêu: 90%

- Hệ số tiêu nông nghiệp: 8,5 l/s/ha

- Hệ số tiêu đô thị: 18,4 l/s/ha.

* Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Báo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với chiều dài khoảng 9.651m, trong đó kênh hút dài khoảng 6.605m, kênh xả chiều dài khoảng 3.046m với các nội dung như sau:

- Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh hút trạm bơm Tam Báo với tổng chiều dài khoảng 6.605m gồm các hạng mục:

+ Nạo vét trên toàn tuyến và gia cố chống sạt lở bờ kênh (các đoạn mặt bờ kênh cứng hóa kết hợp làm đường giao thông nông thôn, đoạn qua khu dân cư) với tổng chiều dài khoảng 4.278m;

+ Gia cố mặt bờ kênh làm đường quản lý kết hợp giao thông nông thôn với chiều dài khoảng 3.386m;

+ Cải tạo nâng cấp các công trình trên tuyến kênh.

- Tuyến kênh xả chiều dài khoảng 3.046m: Giữ nguyên như hiện trạng do lòng kênh vẫn đảm bảo nhiệm vụ tiêu thoát nước.

II. Phạm vi công việc:

- Phạm vi công việc gói thầu: Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày.

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Tư vấn; thực hiện đúng thời gian và tiến độ yêu cầu với khối lượng đầy đủ, có chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được nhiệm vụ của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

Đảm bảo theo các yêu cầu của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và theo các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Nội dung khối lượng công việc khảo sát:

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình II	km	6,61
	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/200, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình II	ha	2,40
	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/200, đường	ha	1,60

	đồng mức 0,5m, cấp địa hình II		
	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình II	100m	132,196
	Đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước. Cấp địa hình II	100m	72,098
	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình II	100m	60,80
	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước. Cấp địa hình II	100m	36,0
	Cắm mốc theo dõi thi công kết hợp làm mốc phục hồi (trương đương mốc tim tuyến kênh). Cấp địa hình II	mốc	22,0
	Chuyên quân bằng ô tô thùng 2,5T	ca	1,0
2	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT		
	Khoan và thí nghiệm hiện trường		
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	182,0
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	82,0
	Thí nghiệm cắt cánh	điểm	9,0
	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng		
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	39,0

	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	39,0
	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	39,0
	Vật liệu đất đắp		
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn PP I-A	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm mẫu chế bị		
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,0
	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	6,0

	Chuyên quân bằng ô tô thùng 2,5T	ca	2,0
3	ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU		
	Làm việc với cơ quan quản lý địa phương về các công trình kênh mương thủy lợi (KS 4/8)	công	4,0
	Điều tra thủy văn dọc tuyến + cầu cống + trạm bơm (KS 4/8)	công	4,0
	Điều tra bãi đổ thải, mỏ vật liệu xây dựng (KS 4/8)	công	4,0
4	Lập thiết kế bản vẽ thi công	Khoản	1,0

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế chủ yếu áp dụng:

+ TCVN 12845:2020 công trình thủy lợi- thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

+ QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia – Công trình thủy lợi – các quy định chủ yếu về thiết kế;

+ TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

+ TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi – yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

+ TCVN 4118:2021 - Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 10406 - 2015: Công trình thủy lợi - Tính toán hệ số tiêu thiết kế;

+ TCVN 4054 - 2005: Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

+ TCCS 39:2022/TCĐBVN: thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

Và một số các tiêu chuẩn khác liên quan

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Tiến độ thực hiện: Tối đa 150 ngày.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết (bao gồm cả bố trí nhân lực, thiết bị) để thực hiện từng hạng mục công việc... Bố trí hoàn thành các hạng mục độc lập không phụ thuộc nhau một cách hợp lý đảm bảo tổng thời gian thực hiện tối đa là 60 ngày.

2. Sản phẩm giao nộp:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán: 07 bộ hồ sơ + USB kèm theo chứa toàn bộ dữ liệu.

Tập I - Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công và chỉ dẫn kỹ thuật: Theo quy định đối với hồ thiết kế bản vẽ thi công.

Tập II - Thiết kế bản vẽ thi công.

Tập III - Dự toán xây dựng công trình.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Các vị trí nhân sự đáp ứng yêu cầu của nhân sự nêu tại Mục “Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật” của Chương III “Tính hợp lệ của HSDT và Tiêu chuẩn đánh giá HSDT”; Ngoài ra nhà thầu có thể bố trí thêm các nhân sự khác nhằm nâng cao chất lượng hoặc tiến độ công việc tư vấn. Trong trường hợp này các nhân sự bố trí thêm phải đảm bảo năng lực và kinh nghiệm theo quy định của pháp luật. Nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã bố trí theo E-HSDT trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp do điều kiện bất khả kháng phải thay đổi nhân sự thì phải tuân thủ quy định tại Điểm h Mục 27.5 CDNT tại Chương I của E-HSMT và phải thông báo cho Chủ đầu tư mới được chấp thuận. Mọi sự thay đổi, bổ sung nhân sự mà nhà thầu không thông báo với Chủ đầu tư đều không được chấp thuận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhân sự Nhà thầu bố trí cho gói thầu phải làm việc tại thực địa (tại hiện trường hoặc tại cơ quan Chủ đầu tư) theo kế hoạch tiến độ nhà thầu đề ra tại Mẫu số 08 và Mẫu số 09 Chương IV của E-HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về số lượng chuyên gia, danh sách chuyên gia, thời gian cụ thể chuyên gia làm việc tại thực địa, và Nhà thầu phải thực hiện công việc tại thực địa nghiêm túc theo đúng phạm vi công việc đã đề xuất trong E-HSDT và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

Nhà thầu phải tuyệt đối chấp hành và tuân thủ các quy định ra vào, làm việc tại cơ quan Chủ đầu tư. Đồng thời Nhà thầu phải tự chi trả mọi chi phí liên quan thuộc trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình làm việc thực địa.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1. Phối hợp với tư vấn sơ tầm và làm rõ các tài liệu về dự án, kế hoạch, mục tiêu xây dựng công trình mà các cấp có thẩm quyền đã duyệt.
2. Phối hợp với tư vấn lựa chọn các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với chế độ thể lệ của Nhà nước.
3. Sẵn sàng cung cấp những thông tin số liệu đã có khi đơn vị tư vấn có yêu cầu.
4. Phối hợp với địa phương trong vùng dự án tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực hiện công tác lập thiết kế được thuận tiện.